

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 53, 54, 55, 57, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 646/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Ông Phạm Văn T, sinh năm 1981

Và Bà Vũ Thị D, sinh năm 1982

Cùng hộ khẩu thường trú: Số 485 Quốc lộ 13, Tổ 7, khu phố 5, phường x, thành phố y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2022, người yêu cầu đã tự nguyện thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T và Bà Vũ Thị D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Phạm Văn T và Bà Vũ Thị D có con chung tên Phạm Vũ Hải B (nữ), sinh ngày 22/02/2012; Phạm Vũ H (nam), sinh ngày 01/11/2005.

Ông Phạm Văn T và Bà Vũ Thị D thống nhất thỏa thuận Bà Vũ Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Phạm Vũ Hải B (nữ), sinh ngày 22/02/2012; Phạm Vũ H (nam), sinh ngày 01/01/2005. Ông Phạm Văn T không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Văn T và Bà Vũ Thị D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Phạm Văn T và Bà Vũ Thị D phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn T và Bà Vũ Thị D thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/2004, đăng ký ngày 02/12/2004, tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Phạm Văn T và Bà Vũ Thị D thống nhất thỏa thuận Bà Vũ Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Phạm Vũ Hải B (nữ), sinh ngày 22/02/2012; Phạm Vũ H (nam), sinh ngày 01/01/2005. Ông Phạm Văn T không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung : Hai bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

1.4. Về lệ phí: Ông Phạm Văn T và Bà Vũ Thị D phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0026142 ngày 17/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Văn T và Bà Vũ Thị D đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Người yêu cầu;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thị Loan